

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**
Bản án số: 151/2023/HS-PT CTN
Ngày: 19/5/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán:

ông Lê Tự

ông Đặng Kim Nhân

- Thư ký phiên tòa: bà Dương Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 560/2022/TLPT-HS ngày 07 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo Hồ Ngọc P và đồng phạm bị xét xử sơ thẩm về tội “Giết người”.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2022/HS-ST-CTN ngày 27/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1167/2023/QĐXXPT-HS ngày 10 tháng 4 năm 2023.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Hồ Ngọc P, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2005 tại Đà Nẵng (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 15 tuổi 8 tháng 04 ngày); nơi cư trú: tổ D, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Ngọc M và con bà Võ Thị T; tiền án: không.

Nhân thân: Ngày 29/11/2022 bị Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” với mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù.

Bị cáo tự nguyện đi thi hành án ngày 09/01/2023, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Trương Văn Quốc V, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2005 tại Đà Nẵng (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 15 tuổi 8 tháng 05 ngày); nơi cư trú: K đường T, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: lao động phổ thông;

trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương K và con bà Nguyễn Thị V1; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giam ngày 11-11-2021, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Nguyễn Quang H, sinh ngày 01 tháng 6 năm 2003 tại Đà Nẵng (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 8 tháng 21 ngày); nơi cư trú: tổ D, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang V2 và con bà Nguyễn Thị T1; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giam ngày 11-11-2021, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Lê Đức H1, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2001 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: tổ F, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê P1 và con bà Nguyễn Thị T2; tiền sự: không.

Tiền án: ngày 20-01-2021 Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xử phạt 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Bị bắt tạm giam ngày 21-02-2022, có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Huỳnh Khánh L (tên gọi khác: M1), sinh ngày 05 tháng 9 năm 2001 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: tổ A, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Khánh N và con bà Đặng Thị Kim L1; tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 27-7-2018 Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tiền án: ngày 20-01-2021 Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xử phạt 01 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Bị bắt tạm giam ngày 21-5-2022, có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: Trần Đình B, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2001 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: phòng F, nhà B, chung cư N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hữu T3 và con bà Lê Thị H2; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giam ngày 27-4-2022, có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: Đào Ngọc T4, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2004 tại Quảng Ngãi (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 24 ngày); nơi cư trú: tổ G, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Ngọc H3 và con bà Trần Thị Lệ H4; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giam ngày 11-11-2021, có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: Nguyễn Bá S, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2003 tại Đà Nẵng (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 10 tháng 23 ngày); nơi cư trú: tổ A,

phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn L2 và con bà Nguyễn Thị Ánh T5; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giam ngày 27-4-2022, có mặt tại phiên tòa.

9. Họ và tên: Đoàn Văn Lê Tiến L3, sinh ngày 09 tháng 6 năm 2004 tại Đà Nẵng (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 13 ngày); nơi cư trú: tổ C, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn C và con bà Lê Thị V3; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giam ngày 27-4-2022, có mặt tại phiên tòa.

10. Họ và tên: Bùi Lê Văn T6, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2004 tại Đà Nẵng (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 7 tháng 01 ngày); nơi cư trú: 10 đường X, tổ A, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Tấn Đ và con bà Lê Thị T7; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giam ngày 27-4-2022, có mặt tại phiên tòa.

11. Họ và tên: Nguyễn Ngọc P2 (tên gọi khác: B1), sinh ngày 22 tháng 01 năm 2006 tại Đà Nẵng (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 15 tuổi 01 tháng); nơi cư trú: 43 đường V, tổ C, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: học sinh; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc P3 và con bà Trần Thị Thùy T8; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

12. Họ và tên: Nguyễn Ngọc T9 (tên gọi khác: B2), sinh ngày 21 tháng 8 năm 2005 tại Đà Nẵng (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 15 tuổi 6 tháng 01 ngày); nơi cư trú: K đường N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc Q và con bà Nguyễn Thị Tuyết S1; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giam ngày 27-4-2022, có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo:

1. ông Hồ Ngọc M, sinh năm 1974 và bà Võ Thị T, sinh năm 1975; nơi cư trú: tổ D, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng (là bố và mẹ của bị cáo Hồ Ngọc P), bà T có mặt tại phiên tòa (ông M vắng mặt).

2. ông Trương K, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị V1, sinh năm 1975; nơi cư trú: K đường T, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng (là bố và mẹ của bị cáo Trương Văn Quốc V), bà V1 có mặt tại phiên tòa (ông K vắng mặt).

3. ông Nguyễn Ngọc P3, sinh năm 1987 và bà Trần Thị Thùy T8, sinh năm 1986; nơi cư trú: 43 đường V, tổ C, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng (là bố và mẹ của bị cáo Nguyễn Ngọc P2), có mặt tại phiên tòa.

4. ông Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Tuyết S1, sinh năm 1974; nơi cư trú: K đường N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (là bố và mẹ của bị cáo Nguyễn Ngọc T9), có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo:

1. Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Đ Nguyễn Thành Đ1 bào chữa cho các bị cáo Hồ Ngọc P và Nguyễn Quang H, có mặt tại phiên tòa.

2. Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý Bùi Xuân N1 - Công ty L8, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ bào chữa cho bị cáo Trương Văn Quốc V4, có mặt tại phiên tòa.

3. Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Huy V5 - Công ty L9 cho các bị cáo Lê Đức H1 và Huỳnh Khánh L, có mặt tại phiên tòa.

4. Luật sư Nguyễn Phú C1 - Văn phòng L10, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ bào chữa cho bị cáo Trần Đình B, có mặt tại phiên tòa.

5. Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Đ - ông Nguyễn Văn P4 bào chữa cho bị cáo Đào Ngọc T4, có đơn xét xử vắng mặt.

6. Luật sư Nguyễn Văn L4 - Văn phòng L11, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ bào chữa cho bị cáo Nguyễn Bá S, có mặt tại phiên tòa.

7. Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Đ - bà Hoàng Thị D bào chữa cho các bị cáo Đoàn Văn Lê Tiến L3, Bùi Lê Văn T6, Nguyễn Ngọc P2, có mặt tại phiên tòa.

8. Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Đ - bà Nguyễn Thị Quỳnh N2 bào chữa cho Nguyễn Ngọc T9, có mặt tại phiên tòa.

(Ngoài ra, trong vụ án còn có một số bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị do đó Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong các ngày 10 tháng 01, 22 tháng 02 và 01 tháng 4 năm 2021 Trịnh Công T10 cùng các đồng phạm đã thực hiện 03 vụ án giết người trên địa bàn các quận T, L và C, thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 10-01-2021, Hồ Hải H5 điều khiển xe mô tô Honda hiệu Vario, biển kiểm soát 43D1-87149 chở Nguyễn Trường H6 đi trên đường N, thuộc phường A, quận T. Sau đó, dừng xe lại bên bãi đất trống để đi vệ sinh thì thấy nhóm thanh niên gồm anh Trần Quốc T11 điều khiển xe mô tô Honda hiệu Vario, biển kiểm soát 92D1-76392 chở chị Nguyễn Trần Khánh L5 và anh

Nguyễn Xuân K1 điều khiển xe mô tô chở chị Nguyễn Thị Ngọc A chạy xe ngang qua, nên H5 và H6 chạy theo sau. Khi đến một tiệm làm tóc trên đường N (hướng từ đường T về đường N) thì gặp Trịnh Công T10 và Nguyễn Văn T12. Tại đây, H6 nói với T10 và T12 “*Có tụi nì chạy xe lắc xắc, tạt đầu xe ta, chạy lên chặn xe hấn đánh*”, T10 hỏi lại “*Tụi hấn ở đâu*”, H6 trả lời “*Tụi hấn mới chạy lên phía trước*”. Nghe vậy, T10 liền điều khiển xe mô tô Yamaha hiệu Exciter, biển kiểm soát 43D1-44036 chở T12; H5 chở H6 đuổi theo nhóm anh T11. Khi đuổi đến đường H thì H6 chỉ tay nói với T10 và T12 “*Tụi hấn đó kìa*”; thấy vậy, T10 tăng tốc xe chạy vượt lên đèn trước nhà số B đường H, phường H thì T10 vượt lên từ bên phải, áp sát xe của anh T11 rồi dùng chân phải đạp một cái vào bên trái, dưới tay lái của xe anh T11 khiến xe và người trên xe mất lái ngã xuống đường. Chị L5 bị bất tỉnh được đưa vào Bệnh viện cấp cứu, còn anh T11 bị trầy xước; xe mô tô bị hư hỏng nhẹ. Lúc này, cả nhóm của T10 điều khiển xe bỏ chạy.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 60/TgT ngày 25-3-2021 của Trung tâm P6 – Sở Y tế thành phố Đ, kết luận đối với chị Nguyễn Trần Khánh L5 như sau: chấn thương sọ não: nứt xương hộp sọ, tụ máu hộp sọ, dập não. Hội chẩn trên phim CT scanner sọ não; kết quả: hình ảnh giảm tỷ trọng di chứng dập não (ổ tổn thương nhu mô não thùy thái dương phải, đường kính 45mm). Nứt xương thái dương trái, chiều dài 15mm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 46%. Vật gây thương tích: tổn thương nêu trên là do ngoại lực tác động trực tiếp, vật gây thương tích phù hợp với vật tày gây ra.

Kết luận định giá tài sản ngày 14-10-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận T, kết luận đối với phần hư hỏng xe mô tô Honda hiệu Vario, biển kiểm soát 92D1-76392: không đủ cơ sở để xác định giá trị khôi phục tài sản trước khi bị hư hỏng.

Tang vật thu giữ: 01 đĩa CD-R NEO lưu trữ một tập tin video có tên “134-202 Hà Huy T13.mp4”; ghi nhận lại sự việc xảy ra trước số nhà B đường H vào lúc 22 giờ 52 phút ngày 10-01-2021; 01 xe mô tô, hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 43D1-44036 và Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Lê Nguyễn Minh T14; 01 xe mô tô hiệu Honda Vario, biển kiểm soát 92D1-76392.

Về bồi thường thiệt hại: Trong quá trình điều tra, gia đình bị cáo Nguyễn Trường H6 đã bồi thường cho bị hại L5 08 triệu đồng; gia đình bị cáo Hồ Hải H5 đã bồi thường cho bị hại L5 05 triệu đồng và tại phiên tòa thì gia đình bị cáo Nguyễn Văn T12 đã bồi thường cho bị hại L5 03 triệu đồng.

Vụ thứ hai:

Ngày 21-02-2021 Trương Văn Quốc Việt P5 và Phạm Công L6 mâu thuẫn, đánh nhau tại quán cà phê gần Ủy ban nhân dân quận L, nhưng chưa gây ra hậu quả gì. Bực tức vì bị L6 đánh nên V4 đã nhờ anh họ là Nguyễn Quang H giúp đỡ đánh L6. H đồng ý, rồi sử dụng mạng xã hội Facebook nhắn tin hẹn đánh nhau với L6.

Sau khi nhận lời đánh nhau của Nguyễn Quang H. Ngày 22-02-2021 Phạm Công L6 nhờ một người tên Nguyễn Hữu V6 (không xác định được lai lịch) giúp L6 đi đánh nhau với nhóm H. Về phần L6 chuẩn bị 02 cây rựa và 02 cây ba chĩa (dụng cụ nướng thịt), rồi đem số hung khí này cất giấu tại bãi đất trống gần đường ray xe lửa - đường N, thuộc phường H, quận L. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, L6 điều khiển xe mô tô Honda Airblade (không xác định được biển kiểm soát) chở Trần Tuấn A1 đến trước Trung tâm hành chính quận L đợi Nguyễn Hữu V6 đến để cùng đi đánh nhóm của H. Tuy nhiên, khi đang đợi V6 thì thấy nhóm của Trương Văn Quốc V và Nguyễn Quang H đến nên L6 điều khiển xe chở A1 bỏ chạy; sau đó L6 điện thoại và gặp nhóm của V (gồm khoảng 04 đến 05 người, không xác định được lai lịch) rồi giải tán đi về.

Về phía Trương Văn Quốc V4, một mặt nhờ Nguyễn Quang H giúp đánh nhau với Phạm Công L6, bản thân V4 còn rủ một số đối tượng gồm: Nguyễn Văn Tiến Đ2, Nguyễn Hồng H7, Hồ Hoàng H8 và Đặng Quang Quốc H9 đi đánh nhau. Đ2 còn rủ thêm Nguyễn Ngọc P2 và Nguyễn Ngọc T9 giúp V4 đi đánh nhau với nhóm của L6 và được những người trên đồng ý.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, V4 cùng Hồng H7, Hoàng H8, H9 và Đ2 đi đến bờ kênh đường H, thuộc phường H, quận L để Đ2 lấy 01 cây dao phóng lộn dài khoảng 1,5m để ở bụi cây dưới bờ kênh. Sau đó, cả nhóm đi qua đường ray đoạn đường T thì gặp P2 và T9 đứng đợi, rồi cả nhóm cùng đến tập trung tại gần Trường trung học phổ thông L12. Khi đi thì V4, Đ2 và Hồng H7 đi trên xe mô tô Yamaha Exciter, biển kiểm soát 73F1-48338; Hoàng H8 và H9 đi trên xe mô tô SH mode, biển kiểm soát 43F1-44754; T9 và P2 đi trên xe mô tô Yamaha Nouvo LX, biển kiểm soát 43D1-09224.

Sau khi nhận lời giúp Trương Văn Quốc V4 trong việc đánh nhau với Phạm Công L6 thì Nguyễn Quang H rủ thêm Trịnh Công T10 và Lê Đức H1; T10 rủ thêm Nguyễn Văn T12; H1 rủ thêm Huỳnh Khánh L, Trần Đình B, Nguyễn Bá S, Bùi Lê Văn T6, Đoàn Văn Lê Tiến L3, Nguyễn Văn T15, Trần Văn Hữu T16 đi đánh nhóm của Phạm Công L6. Tất cả những người nêu trên đồng ý. Khi đi thì S chở B trên xe mô tô Yamaha Sirius, biển kiểm soát 43D1-68062; Triều chở T15 trên xe mô tô Honda AirBlade, biển kiểm soát 43K1-53879; H1 chở T6 trên xe mô tô Honda Vario, biển kiểm soát 43F1-50393; L3 chở L trên xe mô tô Yamaha Sirius, biển kiểm soát 43F1-51733; T12 chở T10 trên xe mô tô Yamaha Exciter, biển kiểm soát 43D1-44036. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, cả nhóm tập trung tại khu vực Trường trung học phổ thông L12 và gặp nhóm của Trương Văn Quốc V4 đi đến. Tại đây, vì thiếu hung khí để đánh nhau nên tất cả cùng đến nhà Nguyễn Văn K2 để lấy hung khí mà Lê Đức H1 đã để nhờ ở nhà K2 từ tháng 7/2020. Trên đường đến nhà K2, đoạn ngã ba Nguyễn Sinh S2 và Tôn Đức T17 thì Hồ Hoàng H8, Nguyễn Hồng H7, Đặng Quang Quốc H9 và Trần Văn Hữu T16 bỏ về. Còn lại cả nhóm tiếp tục đến nhà K2, H1 vào nhà K2 lấy hung khí thì K2 có nói H1 “*Đừng đi đánh nhau nữa*” nhưng H1 không nghe và K2 nói “*Lấy dùng xong thì đừng để ở đây nữa*”. Sau đó, H1 lên gác nhà K2 lấy 03 cây dao xuống thì T10 lấy 01 cây dao phóng lộn dài

120cm, P2 lấy 01 cây dao tự chế dài 70cm và T6 lấy 01 cây dao tự chế dài khoảng 63cm. Sau đó, cả nhóm đi đến Trung tâm hành chính quận L thì phát hiện Phạm Công L6 và Trần Tuấn A1 đang đứng tại đây nên đuổi đánh, nhưng nhóm L6 chạy thoát.

Trong lúc đuổi theo L6 thì H1 và T6 bị ngã xe và có người trong nhóm bị lạc đường nên cả nhóm điện thoại rồi quay về nhà Nguyễn Văn K2 ở C đường T để tập hợp lại. Lúc này, T6 vứt cây dao vào bãi đất trống bên cạnh nhà K2; H1 điện thoại rủ thêm Đào Ngọc T4 tham gia đi đánh nhau, T4 đồng ý và đi xe mô tô Honda W (không rõ biển kiểm soát) đến; Đ2 rủ thêm Ngô Văn K3 tham gia đi đánh nhau, K3 đồng ý nên Đ2 lấy xe Yamaha Exciter của V4 đi chở K3 đến. Khi T4 đến thì lấy cây dao T6 dùng trước đó để T4 sử dụng.

Sau khi Hoàng H8, Hồng H7, H9 và T16 bỏ về thì H qua chở V4 và Đ2 bằng xe Exciter biển kiểm soát 73F1-48338; T15 qua chở T6 bằng xe mô tô biển kiểm soát 43F1-50393; H1 chở T4 bằng xe Honda Winner. Còn lại T12 chở T10 bằng xe mô tô Yamaha Exciter, biển kiểm soát 43D1-44036; T17 chở P2 bằng xe mô tô Yamaha Nouvo LX, biển kiểm soát 43D1-09224; S chở B bằng xe mô tô Yamaha Sirius, biển kiểm soát 43D1-68062; L3 chở L bằng xe mô tô Yamaha Sirius, biển kiểm soát 43F1-51733. Cả nhóm điều khiển xe mô tô đi tìm Phạm Công L6 nhưng không thấy thì Lê Đức H1 đoán nơi L6 hay đến chơi là nhà của Bạch Lê Thanh H10, nên đã nói cả nhóm đi đến nhà H10. Trên đường đến nhà H10 thì K3 bỏ về.

Lúc này, tại nhà của Bạch Lê Thanh H10 thì không có Phạm Công L6 mà chỉ có Bạch Lê Thanh H10, Nguyễn Hoàng Minh D1, Nguyễn Thị Như Ý, Đặng Văn Q1, Trà T và Phùng Đình H11 đang ngồi chơi. Vào thời điểm này trời tối và nhà H10 không có đèn điện chiếu sáng. Khi cả nhóm đến trước nhà H10 thì Trịnh Công T10 cầm dao phóng lộn dài 1,2m đập tung cửa xông vào; Nguyễn Văn Tiến Đ2, Nguyễn Ngọc P2 và Đào Ngọc T4 đều cầm dao trên tay cùng xông vào nhà theo T10. Lúc này em Nguyễn Hoàng Minh D1 đang ngồi trên tấm nệm ở phòng khách thấy vậy liền đứng lên bỏ chạy được mấy bước thì bị T10 cầm dao bằng hai tay chém 01 nhát theo hướng từ trên xuống, từ phải qua trái lưỡi dao trúng vào vùng đầu sau tai phải của D1 khiến Duy ngã xuống nên nhà và dùng hai tay ôm lấy đầu; Đ2 chạy đến cầm dao dao phóng lộn dài khoảng 1,5m bằng hai tay chém liên tiếp 03 nhát, trong đó 02 nhát sau trúng vào tay và vai của D1; tiếp theo P2 cầm dao dài khoảng 70cm bằng tay phải chém 01 nhát trúng vào chân D1 và T4 cầm dao dài khoảng 66cm bằng tay trái chém 01 nhát nhưng không xác định được trúng ai. Cùng lúc này ở bên ngoài, Trương Văn Quốc V4 qua bãi đất trống bên cạnh nhà H10 nhặt một cục đá, rồi chạy vào sân nhà H10 ném vào trong nhà nhưng không trúng ai. Số còn lại gồm Nguyễn Quang H, Lê Đức H1, Huỳnh Khánh L, Trần Đình B, Nguyễn Văn T12, Nguyễn Bá S, Bùi Lê Văn T6, Đoàn Văn Lê Tiến L3, Nguyễn Văn T15 và Nguyễn Ngọc T9 tập trung đứng trước nhà H10 để hỗ trợ cho đồng phạm khi cần thiết. Sau khi chém D1 xong thì bên ngoài V4 hô lên “rút, rút” nên T10, Đ2, P2 và T4 bỏ chạy ra ngoài. T10 lên xe T12, T4 lên xe H1, Đ2 và V4 lên xe H, P2 lên xe T9

cùng cả nhóm bỏ chạy. Em Nguyễn Hoàng Minh D1 được Bạch Lê Thanh H10 và Trà Thanh T18 đưa đến Bệnh viện Đ4 cấp cứu.

Tại Bản kết luận giám định pháp y thương tích số 552/C09C-Đ3 ngày 11-5-2021 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận Nguyễn Hoàng Minh D1 bị đa chấn thương: sẹo vùng cằm phải, kích thước nhỏ; sẹo sau tai phải, kích thước nhỏ; sẹo mặt sau ngoài cổ tay phải, kích thước trung bình kèm đứt gân dẹt, gân duỗi ngắn và duỗi ngón cái dài, gân duỗi cổ tay quay ngắn và dài, đã khâu nối; sẹo mặt mu bàn II tay phải, kích thước nhỏ; nứt xương vòm sọ vùng cằm phải, kích thước 2,5cm; mẻ vỏ xương mòm trâm quay phải; gãy xương bàn II tay phải, can tốt; tổn thương nhánh thần kinh quay phải. Xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương là 28%. Các tổn thương của D1 do vật sắc gây nên.

Tang vật thu giữ: Lê Đức H1 giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 con dao tự chế, lưỡi bằng kim loại dài khoảng 30cm, cán dao bằng gỗ dài 33cm; 01 con dao tự chế, lưỡi bằng kim loại dài 55cm, cán dao bằng gỗ dài 14cm; 01 con dao tự chế, lưỡi dao bằng kim loại dài 24cm, cán dao bằng kim loại dài 96cm.

Kết luận giám định số 1463/C09C-Đ1+Đ3 ngày 22-12-2021 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, đối với 01 con dao tự chế, lưỡi bằng kim loại, mũi nhọn, dài 31,4cm, cán bằng gỗ dài 34,5cm, bên ngoài cán quấn băng keo màu đen; 01 con dao tự chế, lưỡi bằng kim loại màu đen, mũi nhọn, dài 57cm, cán bằng gỗ dài 15cm; 01 con dao tự chế bằng kim loại, mũi nhọn, dài 24,2cm, cán bằng gỗ dài 99,5cm, như sau: Trên 03 con dao không có máu người; 03 con dao gửi giám định là vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự như vũ khí thô sơ.

Về bồi thường thiệt hại: trong quá trình điều tra, gia đình các bị cáo Nguyễn Văn Tiến Đ2, Nguyễn Ngọc P2 và Trương Văn Quốc V4 đã bồi thường cho bị hại Nguyễn Hoàng Minh D1 số tiền 20 triệu đồng; gia đình các bị cáo Nguyễn Ngọc T9, Bùi Lê Văn T6, Đoàn Văn Lê Tiến L3, Trần Đình B, Nguyễn Quang H, Lê Đức H1, Nguyễn Văn T15 đã bồi thường 27 triệu đồng; gia đình bị cáo Huỳnh Khánh L đã bồi thường 03 triệu đồng và gia đình bị cáo Đào Ngọc T4 đã bồi thường 02 triệu đồng. Bị hại và gia đình bị hại không yêu cầu gì thêm và xin bãi nại cho tất cả các bị cáo.

Vụ thứ ba:

Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 01-4-2021 tại quán C3 thuộc phường T, quận T, do có mâu thuẫn với nhóm thanh niên tại quán trà sữa Bà L7 số 263 đường T, phường H, quận C nên Hồ Ngọc P đã rủ Trần Cảnh Thanh B3 và Nguyễn Văn T12 đến đánh trả thù thì được B3 và T12 đồng ý. Trước khi đi, T12 đã rủ thêm Trịnh Công T10; khi gặp T10 thì P và T12 kể lại sự việc mâu thuẫn với nhóm Nguyễn Xuân D2 cho T10 nghe và cả nhóm thống nhất đến quán Bà L7 đánh nhóm của D2. Khi đi, T12 điều khiển xe mô tô hiệu Vario, biển kiểm soát 43D1-87149 chở T10; B3 điều khiển xe mô tô Honda Airblade, biển kiểm soát 43H1-16696 chở Pháp.

Khi đi đến ngã ba đường T - N, B3 dừng xe lấy trong cốp ra 01 cây dao dài khoảng 65cm đưa cho T10 và 01 cây gậy sắt ba khúc đưa cho P, rồi cả nhóm tiếp tục đi đến quán Bà L7. T12 chở T10 đi ngang qua quán và chỉ cho T10 biết nhóm thanh niên có mâu thuẫn với mình rồi cả nhóm quay xe lại thì P thấy bạn gái đang ở đây nên dừng xe cách quán Bà L7 khoảng 20 mét. Khi P đang nói chuyện với bạn thì Nguyễn Xuân D2 ngồi trong quán thấy nhóm của P liền lớn tiếng chửi bới nên T10 nói T12 điều khiển xe chạy đến trước quán, T10 xuống xe cầm dao xông vào chém D2 nhưng D2 kịp bỏ chạy. Tiếp đó, T10 cầm dao chém vào người Nguyễn Hữu Thành C2 theo hướng từ trên xuống, từ phải qua trái, C2 đưa tay lên đỡ thì bị trúng cẳng tay trái. Võ Ngọc Thế K4 đang ngồi bên cạnh vừa đứng dậy định bỏ chạy thì T10 xông đến cầm dao chém theo hướng ngang trúng vào vùng trán của K4 làm K4 ngã ngửa về sau. Sau khi chém K4, T10 thấy Trần Quốc K5 đang ngồi bàn bên cạnh bỏ chạy thì T10 cầm dao chém theo hướng ngang trúng vào vùng gáy và vai của K5, khi K5 quay người lại thì T10 tiếp tục cầm dao chém một đường thẳng từ trên xuống trúng vào cẳng tay trái của K5. Thấy T10 xông vào quán chém nhóm D2 thì B3 chạy vào cầm ghế nhựa của quán đưa lên hù dọa nhóm thanh niên trong quán để không cho đánh lại T10; còn Pháp và T12 ngồi trên xe mô tô đợi T10 và B3 ra thì điều khiển xe chờ đồng bọn bỏ chạy. Bị hại Nguyễn Hữu Thành C2, Võ Ngọc Thế K4 và Trần Quốc K5 bị thương tích được đưa đi cấp cứu.

Bản kết luận giám định pháp y thương tích số 476/C09C-Đ3 ngày 22-4-2021 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận đối với Nguyễn Hữu Thành C2 như sau: vết thương đoạn 1/3 trên cẳng tay trái đã được điều trị. Hiện tại: sẹo mổ mồm khuỷu trái, kích thước nhỏ; sẹo mặt sau 1/3 trên cẳng tay trái, kích thước trung bình, đứt bó cơ duỗi chung, cơ khuỷu, cơ duỗi cổ tay trụ và gấp cổ tay trụ khâu nối; gãy 1/3 trên xương trụ trái kèm trật khớp quay trụ trên; mẻ vỏ xương đầu trên xương quay trái. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của C2 tại thời điểm giám định là 13%. Tổn thương vùng cẳng tay trái của C2 là do vật sắc gây nên.

Kết luận giám định pháp y thương tích số 475/C09C-Đ3 ngày 22-4-2021 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận đối với Võ Ngọc Thế K4 như sau: chấn thương vùng đầu đã được điều trị. Hiện tại: sẹo vùng trán phải, kích thước trung bình; mẻ bản ngoài xương sọ vùng trán phải, dài 2,8 cm. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của K4 tại thời điểm giám định là 12%. Tổn thương vùng trán phải của K4 là do vật sắc gây nên.

Bản kết luận giám định pháp y thương tích số 477/C09C-Đ3 ngày 22-4-2021 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận đối với Trần Quốc K5 như sau: đa chấn thương đã được điều trị. Hiện tại: sẹo vùng cằm phải, kích thước nhỏ; sẹo vùng mồm cùng vai - cơ delta phải, kích thước trung bình; sẹo 1/3 giữa cẳng tay trái, kích thước trung bình, kèm đứt gân cơ duỗi cổ tay trụ và gân cơ gấp cổ tay trụ, đã khâu nối; gãy 1/3 trên xương trụ trái, thẳng trục. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của K5 tại thời điểm giám định là 13%. Các tổn thương của K5 do vật sắc gây nên.

Tang vật thu giữ:

01 đoạn Video có thời lượng 09 phút 29 giây, trích xuất từ camera an ninh của Công an phường H tại B đường T, phường H trong thời gian từ 20 giờ 29 phút 28 giây đến 20 giờ 37 phút 21 giây ngày 01-4-2021, ghi lại hình ảnh vụ việc đánh nhau tại số B đường T

01 con dao dài khoảng 65cm, lưỡi bằng sắt dài khoảng 50cm màu nâu gỉ sắt, cán bằng gỗ màu nâu vàng. Do Nguyễn Văn T12 giao nộp cho Cơ quan điều tra và khai là con dao được Trịnh Công T10 sử dụng để đánh nhau vào ngày 01-4-2021 tại B đường T

01 cây gậy ba khúc bằng kim loại màu trắng, cán cầm bọc cao su màu đỏ. Do Trần Cảnh Thanh B3 giao nộp cho Cơ quan điều tra và khai là cây gậy được Hồ Ngọc P sử dụng để đánh nhau vào ngày 01-4-2021 tại B đường T

Tại Bản kết luận giám định số 104 ngày 29/11/2021 của Phòng K6 của Công an T21 kết luận: 01 cây dao dài 65cm, lưỡi bằng kim loại đã bị gỉ sắt màu nâu đỏ dài 45cm, cán bằng gỗ màu vàng là vũ khí tự chế tạo, có tính năng tác dụng tương tự vũ khí thô sơ; 01 cây gậy ba khúc bằng kim loại màu trắng bạc là công cụ hỗ trợ.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2022/HS-ST-CTN ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Hồ Ngọc P, Trương Văn Quốc V, Nguyễn Quang H, Lê Đức H1, Huỳnh Khánh L, Trần Đình B, Đào Ngọc T4, Nguyễn Bá S, Đoàn Văn Lê Tiến L3, Bùi Lê Văn T6, Nguyễn Ngọc P2 và Nguyễn Ngọc T9 phạm tội “Giết người”.

1. Căn cứ vào điểm a, b, n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 91; Điều 101; Điều 102 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Ngọc P 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Căn cứ vào điểm b, n, o khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 91; Điều 101; Điều 102 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Văn Quốc V 04 (bốn) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11 tháng 11 năm 2021.

3. Căn cứ vào điểm b, n, o khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 91; Điều 101; Điều 102 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H 07 (bảy) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11 tháng 11 năm 2021.

4. Căn cứ vào điểm b, n, o khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, o khoản 1 Điều 52; Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Đức H1 13 (mười ba) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21 tháng 02 năm 2022.

5. Căn cứ vào điểm b, n, o khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Huỳnh Khánh L 12 (mười hai) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21 tháng 5 năm 2022.

6. Căn cứ vào điểm b, n, o khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Đình B 09 (chín) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27 tháng 4 năm 2022.

7. Căn cứ vào điểm b, n, o khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; Điều 101; Điều 102 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đào Ngọc T4 05 (năm) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11 tháng 11 năm 2021.

8. Căn cứ vào điểm b, n, o khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; Điều 101; Điều 102 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Bá S 05 (năm) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27 tháng 4 năm 2022.

9. Căn cứ vào điểm b, n, o khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; Điều 101; Điều 102 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đoàn Văn Lê Tiến L3 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27 tháng 4 năm 2022.

10. Căn cứ vào điểm b, n, o khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; Điều 101; Điều 102 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Lê Văn T6 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27 tháng 4 năm 2022.

11. Căn cứ vào điểm b, n, o khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; Điều 101; Điều 102 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc P2 03 (ba) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

12. Căn cứ vào điểm b, n, o khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; Điều 101; Điều 102 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T9 02 (hai) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27 tháng 4 năm 2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo: Trịnh Công T10, Nguyễn Văn T12, Nguyễn Trường H6, Hồ Hải H5, Trần Cảnh Thanh B3, Nguyễn Văn Tiến Đ2 và Nguyễn Văn T15; quyết định về xử lý vật chứng, về bồi thường thiệt hại, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 31/10/2022 người đại diện hợp pháp cho bị cáo Hồ Ngọc P và bị cáo P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 05/11/2022 các bị cáo Nguyễn Quang H, Lê Đức H1, Huỳnh Khánh L, Trần Đình B, Nguyễn Bá S, Đoàn Văn Lê Tiến L3, Bùi

Lê Văn T6 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 09 và 10/11/2022 các bị cáo Đào Ngọc T4, Nguyễn Ngọc T9 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; các ngày 02, 10, 11/11/2022 người đại diện hợp pháp cho các bị cáo Nguyễn Ngọc P2, Trương Văn Quốc V, Nguyễn Ngọc T9 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Hồ Ngọc P, Nguyễn Quang H, Lê Đức H1, Huỳnh Khánh L, Trần Đình B, Nguyễn Bá S, Đoàn Văn Lê Tiến L3, Bùi Lê Văn T6, Đào Ngọc T4, Nguyễn Ngọc T9 không rút kháng cáo; người đại diện hợp pháp của các bị cáo Hồ Ngọc P, Nguyễn Ngọc P2, Trương Văn Quốc V, Nguyễn Ngọc T9 không rút kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: kháng cáo của các bị cáo Hồ Ngọc P, Nguyễn Quang H, Lê Đức H1, Huỳnh Khánh L, Trần Đình B, Nguyễn Bá S, Đoàn Văn Lê Tiến L3, Bùi Lê Văn T6, Đào Ngọc T4, Nguyễn Ngọc T9 và của người đại diện hợp pháp các bị cáo Hồ Ngọc P, Nguyễn Ngọc P2, Trương Văn Quốc V, Nguyễn Ngọc T9 là trong thời hạn luật định.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm tuyên xử các bị cáo về tội “Giết người” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Khi lượng hình, cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện, đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân của từng bị cáo để tuyên phạt các bị cáo với mức án tù là phù hợp, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và của đại diện hợp pháp của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giữ bản án sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Thành Đ1 bào chữa cho các bị cáo Hồ Ngọc P, Nguyễn Quang H: bị cáo Hồ Ngọc P hành vi phạm tội đã rõ nên tôi không nhắc lại. Mặc dù bị cáo không có tình tiết nào mới nhưng thấy rằng khi phạm tội bị cáo chưa thành niên nhận thức hạn chế, đồng thời đề nghị HĐXX xem xét hoàn cảnh gia đình của bị cáo để giảm cho bị cáo một phần hình phạt. Đối với bị cáo Nguyễn Quang H, bản án sơ thẩm tuyên quá nghiêm khắc với bị cáo, bị cáo chỉ là người giúp sức, bị cáo có 02 Giấy khen của Đ3 phường nên xin xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Các bị cáo P và H đều thống nhất với lời bào chữa của luật sư và không bổ sung gì thêm.

Luật sư Bùi Xuân N1 bào chữa cho bị cáo Trương Văn Quốc V: đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 57 BLHS về phạm tội chưa đạt đối với bị cáo; gia đình bị cáo khó khăn có xác nhận của chính quyền, bản thân bị cáo là người chưa thành niên. Mặc dù bị cáo không có tình tiết mới nhưng đề nghị HĐXX đánh giá nhân thân, hành vi của bị cáo để giảm cho bị cáo một phần hình phạt, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật. Bị cáo V thống nhất với lời bào chữa của luật sư và không bổ sung gì thêm.

Luật sư Hoàng Thị D bào chữa cho các bị cáo Đoàn Văn Lê Tiến L3, Nguyễn Ngọc P2 và Bùi Lê Văn T6: mặc dù các bị cáo không có tình tiết mới nhưng đối với bị cáo P2 thì sau khi vụ án xảy ra, bị cáo vẫn đang theo học lớp 11. Cả 3 bị cáo đều ăn năn hối cải, đều bị người khác rủ rê, chưa đủ tuổi thành niên nên nhận thức hạn chế, bố của L3 có Huân Huy chương, các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, cha mẹ ly hôn nên sự giáo dục không đầy đủ. Mong HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo L3, P2 và T6 đều thống nhất với lời bào chữa của luật sư và không bổ sung gì thêm.

Luật sư Nguyễn Thị Quỳnh N2 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc T9: về tội danh tôi không tranh luận gì. Tuy nhiên, xem xét nguyên nhân phạm tội, bị cáo bị rủ rê, bị cáo ăn năn hối cải, tác động gia đình bồi thường và bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo có vai trò giúp sức, gia đình khó khăn, chưa thành niên, nhân thân tốt, mức án của cấp sơ thẩm là có phần nghiêm khắc. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo T9 thống nhất với lời bào chữa của luật sư và không bổ sung gì thêm.

Luật sư Nguyễn Huy V5 bào chữa cho bị cáo Lê Đức H1 và Huỳnh Khánh L: nguyên nhân xuất phát từ sự rủ rê khởi sự của người khác, 2 bị cáo chỉ đi theo, khi đến nhà bị hại, 2 bị cáo chỉ đứng ngoài, thương tích của bị hại do người khác thực hiện. Hoàn cảnh gia đình của 2 bị cáo đều khó khăn, các bị cáo phải nghỉ học sớm để phụ giúp gia đình. Gia đình của bị cáo L có truyền thống cách mạng. Các bị cáo thực sự ăn năn hối cải, dù khó khăn nhưng tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả cho bị hại. Hai bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ của khoản 1 Điều 51 BLHS, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho 2 bị cáo. Các bị cáo H1 và L đều thống nhất với lời bào chữa của luật sư và không bổ sung gì thêm.

Luật sư Nguyễn Phú C1 bào chữa cho bị cáo Trần Đình B: tôi thống nhất về tội danh và hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm. Bị cáo chỉ là vai trò thứ yếu, đi theo và đứng ngoài, bị cáo ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, tác động gia đình khắc phục hậu quả cho bị hại, là người chưa thành niên. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để thể hiện khoan hồng của pháp luật. Bị cáo Trần Đình B bổ sung: bị cáo không biết ba. Mẹ của bị cáo làm mẹ đơn thân, hoàn cảnh khó khăn, ở nhà do Nhà nước cấp, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư Nguyễn Văn L4 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Bá S: về tội danh tôi không tranh luận. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như bản án sơ thẩm đã nhận định, tình tiết mới là gia đình S có tự nguyện khắc phục thêm 01 triệu đồng cho người bị hại, cha của bị cáo có nộp án phí sơ thẩm 200 nghìn đồng, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, cha bị khuyết tật, bị cáo chưa đủ 18 tuổi, nhận thức pháp luật hạn chế, bị bạn bè rủ rê, bị cáo đứng ngoài nhìn chứ không tham gia, bản thân bị cáo bị bệnh cần có bác sĩ thăm khám thường xuyên. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo S thống nhất với lời bào chữa của luật sư và không bổ sung gì thêm.

Luật sư Nguyễn Văn P4 bào chữa cho bị cáo Đào Ngọc T4 (Luận cứ): về tội danh tôi không tranh luận. Tuy nhiên, mức án sơ thẩm đã tuyên là nghiêm khắc với bị cáo, bởi lẽ bố mẹ bị cáo ly hôn và giao 02 con cho cha bị cáo nuôi dưỡng, cha của bị cáo lái xe B4 - Nam nên sự giáo dục đối với bị cáo có phần thiệt thòi. Bị cáo không trực tiếp tham gia gây thương tích cho bị hại, bị cáo có nhân thân tốt, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình thăm gặp bồi thường cho gia đình bị hại. Do đó đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo Đào Ngọc T4 đồng ý không bổ sung.

Những người đại diện hợp pháp cho các bị cáo không ai tranh tụng.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tổ tụng:

Ngày 31/10/2022, các ngày 02, 05, 09, 10, 11/11/2022 các bị cáo Hồ Ngọc P, Nguyễn Quang H, Lê Đức H1, Huỳnh Khánh L, Trần Đình B, Nguyễn Bá S, Đoàn Văn Lê Tiến L3, Bùi Lê Văn T6, Đào Ngọc T4, Nguyễn Ngọc T9 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và người đại diện hợp pháp cho các bị cáo Hồ Ngọc P, Nguyễn Ngọc P2, Trương Văn Quốc V, Nguyễn Ngọc T9 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Như vậy kháng cáo nêu trên là trong thời hạn luật định. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo và của người đại diện hợp pháp bị cáo:

[2.1] Về tội danh:

Quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm và phúc thẩm các bị cáo có kháng cáo và không có kháng cáo (Trịnh Công T10, Nguyễn Văn T12, Nguyễn Trường H6, Hồ Hải H5, Trần Cảnh Thanh B3, Nguyễn Văn T19 Đ2 và Nguyễn Văn T15) đều trình bày khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thể hiện: trong các ngày 10/01/2021, 22/02/2021 và 01/4/2021 trên địa bàn các quận T, L và C, thành phố Đà Nẵng đã xảy ra 03 vụ án giết người sau đây:

Vụ thứ nhất: (các bị cáo kháng cáo không tham gia vụ án này).

Khoảng 22 giờ 52 phút ngày 10/01/2021 trên đường H, thuộc phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng, Trịnh Công T10 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 43D1-44036 chở Nguyễn Văn T12 và Hồ Hải H5 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 43D1-87149 chở Nguyễn Trường H6 đuổi theo và dùng chân đạp ngã xe mô tô do anh T11 điều khiển chở theo chị L. Hậu quả, xe mô tô cùng anh T11, chị L ngã xuống đường; chị L bị chấn thương sọ não với thương tích 46%, anh T11 bị xây xát nhẹ.

Vụ thứ hai:

Khoảng 20 giờ ngày 22/02/2021 trước số nhà H đường H, thuộc tổ E, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, Trịnh Công T10 cầm dao phóng lộn chém em D2 vào vùng đầu sau tai phải. Tiếp theo Nguyễn Văn T19 Đ2 dùng dao chém

03 nhất trúng vào tay và vai của D2. Nguyễn Ngọc P2 cầm dao tự chế chém vào chân D2. Đào Ngọc T4 cầm dao tự chế chém nhưng không xác định được trúng ai. Trương Văn Quốc V4 ném đá vào nhà nhưng không trúng ai. Còn lại gồm Nguyễn Văn T12, Nguyễn Quang H, Lê Đức H1, Huỳnh Khánh L, Trần Đình B, Nguyễn Bá S, Đoàn Văn Lê Tiến L3, Bùi Lê Văn T6, Nguyễn Văn T15 và Nguyễn Ngọc T9 đứng trước nhà hỗ trợ cho đồng bọn khi cần thiết và chờ đồng bọn chạy thoát. Hậu quả em D2 bị thương tích 28%.

Vụ thứ ba:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 01-4-2021 tại quán trà sữa Bà L7 - số B đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, Trịnh Công T10 dùng dao tự tạo dài 65cm chém em Nguyễn Hữu Thành C2 theo hướng từ trên đầu xuống, em C2 đưa tay lên đỡ thì trúng vào cẳng tay trái. Tiếp tục T10 dùng dao chém anh Võ Ngọc T20 Khoa theo hướng từ phải qua trái trúng vào trán anh K4 và chém anh Trần Quốc K5 theo hướng ngang trúng vào vùng gáy – vai, cẳng tay trái anh K5. Cùng lúc này, Trần Cảnh Thanh B3 cầm ghế nhựa hù dọa nhóm thanh niên trong quán nhằm không cho nhóm này đánh lại T10; Nguyễn Văn T12 và Hồ Ngọc P ngồi trên xe chờ để chờ T10, B3 đi bỏ trốn. Hậu quả em C2 bị 13% thương tích; anh K4 bị 12% thương tích và anh K5 bị 13% thương tích.

Như vậy, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định pháp y về thương tích và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ khẳng định: Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Hồ Ngọc P, Trương Văn Quốc V, Nguyễn Quang H, Lê Đức H1, Huỳnh Khánh L, Trần Đình B, Đào Ngọc T4, Nguyễn Bá S, Đoàn Văn Lê Tiến L3, Bùi Lê Văn T6, Nguyễn Ngọc P2, Nguyễn Ngọc T9 về tội “Giết người” theo Điều 123 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Về điều luật áp dụng:

Các bị cáo trực tiếp và đồng phạm dùng dao chém vào đầu, cổ, vai, gáy là các vị trí trọng yếu trên cơ thể của bị hại là đặc biệt nguy hiểm có thể dẫn đến hậu quả chết người; việc các bị hại không chết là được cấp cứu kịp thời và ngoài ý muốn chủ quan của các bị cáo. Trong các bị hại có em Nguyễn Hoàng Minh D1 mới 14 tuổi 5 tháng 01 ngày. Bị cáo Hồ Ngọc P phạm tội đối với 2 người trở lên, đối với người dưới 16 tuổi và có tính chất côn đồ quy định là tình tiết định khung tại điểm a, b, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Trương Văn Quốc V, Nguyễn Quang H, Lê Đức H1, Huỳnh Khánh L, Trần Đình B, Đào Ngọc T4, Nguyễn Bá S, Đoàn Văn Lê Tiến L3, Bùi Lê Văn T6, Nguyễn Ngọc P2, Nguyễn Ngọc T9 phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, có tính chất côn đồ và có tổ chức quy định là tình tiết định khung tại điểm b, n, o khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Hồ Ngọc P, Trương Văn Quốc V, Nguyễn Quang H, Lê Đức H1 có hành vi xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, các bị cáo Hồ Ngọc p, Huỳnh Khánh L lần phạm tội

này bị coi là tái phạm nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo Hồ Ngọc P, Trương Văn Quốc V, Nguyễn Ngọc P2, Nguyễn Ngọc T9 từ đủ 14 đến 16 tuổi; các bị cáo Nguyễn Quang H, Đào Ngọc T4, Nguyễn Bá S, Đoàn Văn Lê Tiến L3, Bùi Lê Văn T6 từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi nên được áp dụng chương XII Bộ luật Hình sự về những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích nhận định, đánh giá về tính chất hành vi phạm tội, vai trò thực hiện tội phạm, nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, chế độ xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội và áp dụng cho các bị cáo theo quy định của pháp luật. Từ đó xử phạt các bị cáo: Hồ Ngọc P 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù; T22 (bốn) năm tù; Nguyễn Quang H 07 (bảy) năm tù; Lê Đức H1 13 (mười ba) năm tù; Huỳnh Khánh L 12 (mười hai) năm tù; Trần Đình B 09 (chín) năm tù; Đào Ngọc T4 05 (năm) năm tù; Nguyễn Bá S 05 (năm) năm tù; Đoàn Văn Lê Tiến L3 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù; Bùi Lê Văn T6 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù; Nguyễn Ngọc P2 03 (ba) năm tù; Nguyễn Ngọc T9 02 (hai) năm tù đều về tội “Giết người” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Sau khi xét xử sơ thẩm:

Gia đình bị cáo T9 nộp 200.000đ án phí HSST (Biên lai thu tiền số 0001916 ngày 18/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng) và có đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương ngày 16/11/2022; gia đình bị cáo S tự nguyện hỗ trợ 1.000.000đ cho mẹ bị hại D1 nhận ngày 13/11/2022 và nộp 200.000đ án phí HSST (Biên lai thu tiền số 0000065 ngày 15/3/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng); bố bị cáo S có đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của tổ dân phố số A, phường H. Các bị cáo còn lại không có tình tiết mới.

Xét thấy: Đây là những tình tiết phát sinh sau khi xét xử sơ thẩm đối với hai bị cáo T9, S. Tuy nhiên, các bị cáo đều bị xét xử về nhiều tình tiết định khung hình phạt theo khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự. Đối chiếu với hành vi phạm tội, vai trò thực hiện tội phạm của từng bị cáo và hậu quả do các bị cáo gây ra cho các bị hại và xã hội thì mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là thỏa đáng, không nặng. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và kháng cáo của người đại diện hợp pháp của các bị cáo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Số tiền án phí hình sự sơ thẩm gia đình các bị cáo Nguyễn Bá S, Nguyễn Ngọc T9 nộp sẽ được giải quyết trong quá trình thi hành án. Ghi nhận gia đình bị cáo S tự nguyện hỗ trợ 1.000.000đ cho mẹ bị hại D1.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hồ Ngọc P, Trương Văn Quốc V, Nguyễn Quang H, Lê Đức H1, Huỳnh Khánh L, Trần Đình B, Đào Ngọc T4, Nguyễn Bá S, Đoàn Văn Lê Tiến L3, Bùi Lê Văn T6, Nguyễn Ngọc P2, Nguyễn Ngọc T9 và người đại diện hợp pháp của các bị cáo Hồ Ngọc P, Trương Văn Quốc V, Nguyễn Ngọc P2, Nguyễn Ngọc T9. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Tuyên bố các bị cáo Hồ Ngọc P, Trương Văn Quốc V, Nguyễn Quang H, Lê Đức H1, Huỳnh Khánh L, Trần Đình B, Đào Ngọc T4, Nguyễn Bá S, Đoàn Văn Lê Tiến L3, Bùi Lê Văn T6, Nguyễn Ngọc P2 và Nguyễn Ngọc T9 phạm tội “Giết người”.

2.1. Áp dụng điểm a, b, n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 91; Điều 101; Điều 102 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Ngọc P 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Giết người”.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 144/2022/HSST ngày 29/11/2022 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Buộc bị cáo Hồ Ngọc P phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/01/2023 (ngày bị cáo tự nguyện đi thi hành án theo Quyết định thi hành án phạt tù số 176/2022/QĐ-CA ngày 29/12/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng).

2.2. Áp dụng điểm b, n, o khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 91; Điều 101; Điều 102 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Văn Quốc V 04 (bốn) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11 tháng 11 năm 2021.

2.3. Áp dụng điểm b, n, o khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 91; Điều 101; Điều 102 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H 07 (bảy) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11 tháng 11 năm 2021.

2.4. Áp dụng điểm b, n, o khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, o khoản 1 Điều 52; Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Đức H1 13 (mười ba) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21 tháng 02 năm 2022.

2.5. Áp dụng điểm b, n, o khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Huỳnh

Khánh L 12 (mười hai) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21 tháng 5 năm 2022.

2.6. Áp dụng điểm b, n, o khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Đình B 09 (chín) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27 tháng 4 năm 2022.

2.7. Áp dụng điểm b, n, o khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; Điều 101; Điều 102 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đào Ngọc T4 05 (năm) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11 tháng 11 năm 2021.

2.8. Áp dụng điểm b, n, o khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; Điều 101; Điều 102 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Bá S 05 (năm) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27 tháng 4 năm 2022.

2.9. Áp dụng điểm b, n, o khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; Điều 101; Điều 102 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đoàn Văn Lê Tiến L3 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27 tháng 4 năm 2022.

2.10. Áp dụng điểm b, n, o khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; Điều 101; Điều 102 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Lê Văn T6 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27 tháng 4 năm 2022.

2.11. Áp dụng điểm b, n, o khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; Điều 101; Điều 102 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc P2 03 (ba) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2.12. Áp dụng điểm b, n, o khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; Điều 101; Điều 102 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T9 02 (hai) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27 tháng 4 năm 2022.

Số tiền án phí hình sự sơ thẩm gia đình các bị cáo Nguyễn Bá S, Nguyễn Ngọc T9 đã nộp theo các Biên lai thu tiền số 0001916 ngày 18/11/2022 và số 0000065 ngày 15/3/2023 đều của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng sẽ được giải quyết trong quá trình thi hành án. Ghi nhận gia đình bị cáo S tự nguyện hỗ trợ 1.000.000đ cho mẹ bị hại D1.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Hồ Ngọc P, Trương Văn Quốc V, Nguyễn Quang H, Lê Đức H1, Huỳnh Khánh L, Trần Đình B, Đào Ngọc T4, Nguyễn Bá S, Đoàn Văn Lê Tiến L3, Bùi Lê Văn T6, Nguyễn Ngọc P2, Nguyễn Ngọc T9 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

(Đã ký)

Lê Tự

Đặng Kim Nhân

Trần Quốc Cường